

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD05064**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Điện tử căn bản**

Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050567	Lâm Hoàng	Anh	21/01/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2455202050568	Lâm Quốc	Bảo	10/11/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2455202050569	Lý Gia	Bảo	14/11/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008				9	8.0	8.0	9.0		8.0		8.2
5	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009				8	8.0	7.5	8.0		6.0		6.7
6	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009				8.5	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8
7	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009				9	8.0	9.0	8.0		6.0		7.0
8	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009				9	8.5	8.0	8.5		8.0		8.2
9	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009				9	8.0	9.0	8.0		6.0		7.0
10	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009				7	6.5	7.0	6.0		6.0		6.2
11	2455202050577	Trần Trung	Hiền	26/07/2009				6	5.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.9
12	2455202050578	Huỳnh Nguyễn Minh	Hiếu	22/10/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009				8	8.0	7.0	5.0		6.0		6.3
14	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009				8	7.5	8.0	7.0		5.0		6.0
15	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009				7	8.0	8.0	7.0		6.0		6.6
16	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009				7	6.5	6.0	6.0		6.0		6.1
17	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khương	16/12/2009				7	7.0	6.5	6.0		5.0		5.6
18	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009				8	7.0	7.0	6.5		6.0		6.4
19	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009				9	8.0	9.0	8.5		6.0		7.0
20	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009				7	7.0	6.0	6.0		6.0		6.2
21	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009				7	7.0	6.0	6.0		5.0		5.6
22	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009				7	7.0	6.0	5.5		6.0		6.1
23	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009				7	7.0	6.5	8.0		6.0		6.5
24	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009				8	7.0	7.5	8.0		6.0		6.6
25	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009				7	6.0	5.5	6.0		6.0		6.0
26	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009				7	7.0	6.5	6.0		6.0		6.2
27	2455202050593	As Sa Na	Quý	19/11/2008				6	5.5	6.0	5.5		6.0		5.9
28	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy	Tân	10/08/2009				6	5.5	6.0	5.5		6.0		5.9
29	2455202050595	Chau Quốc	Thái	07/04/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
30	2455202050596	Nguyễn Hoàng	Thiện	28/12/2009				7	6.0	7.0	6.0		6.0		6.2
31	2455202050597	Trương Võ Thanh	Thương	19/07/2009				7	7.0	6.0	7.0		5.0		5.7
32	2455202050598	Dương Minh	Triết	19/12/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
33	2455202050599	Đinh Minh	Triết	10/12/2009				6	7.0	6.0	5.5		5.0		5.5
34	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh	Tuấn	20/09/2008				6	5.0	5.5	5.0		6.0		5.7
35	2455202050601	Võ Anh	Vinh	22/09/2009				9	8.5	8.0	9.0		7.5		7.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 6 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phan Thị Hồng Phúc